

# TỔNG QUAN VỀ TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU TRONG LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN MIỀN NÚI VÀ ĐÀO TẠO CÁN BỘ DÂN TỘC THIỂU SỐ

NGUYỄN VĂN CHÍNH  
HOÀNG LƯƠNG

## Giới thiệu

Gần đây, vấn đề phát triển miền núi và đào tạo đội ngũ cán bộ người dân tộc thiểu số nhằm đáp ứng yêu cầu của công cuộc hiện đại hoá và công nghiệp hoá đất nước đã trở thành một đề tài khoa học được các cơ quan làm chính sách và nghiên cứu quan tâm. Hàng loạt đề tài khoa học cấp Nhà nước và nhiều tỷ đồng đã được cung cấp cho các chương trình nghiên cứu về chủ đề này và bước đầu, một số kết quả khoa học đã được công bố. Tuy nhiên, thay vì phân tích có tính phê phán, tìm ra các giải pháp thích hợp và khả thi cho vấn đề, các chương trình nghiên cứu nói trên có vẻ như chủ yếu tập trung vào việc minh họa chính sách, còn thiếu chiều sâu cả về lý luận và phương pháp tiếp cận. Bài viết này nhằm cung cấp một cái nhìn khái quát về các nghiên cứu có liên quan đến lĩnh vực phát triển ở miền núi và đào tạo cán bộ dân tộc thiểu số, giữa Nhà nước và dân tộc thiểu số ở trong và ngoài nước làm tư liệu tham khảo cho các nhà nghiên cứu quan tâm đến chủ đề này. Cần phải nói rằng các nghiên cứu điểm lại ở đây chủ yếu dựa vào nguồn tài liệu có thể tiếp cận được ở Việt Nam. Các tác giả rất mong được bổ khuyết để cho việc phân tích tình hình nghiên cứu về chủ đề này toàn diện hơn.

Bài viết nhằm trả lời các vấn đề sau đây: a) Đã có những công trình nghiên cứu khoa học nào về chủ đề này được tiến hành trên thế giới và trong nước?; b) Các công trình nghiên cứu ấy đã được tiếp cận như thế nào?; c) Kết quả nghiên cứu của các công trình ấy là gì?; và d) Chúng ta có thể học hỏi được gì (lý luận, phương pháp, kinh nghiệm, v.v.) từ các công trình nghiên cứu ấy?. Để tiện theo dõi, chúng tôi xin trình bày tóm tắt những phân tích về các công trình nghiên cứu có liên quan đến đề tài thành ba mục nhỏ: 1) Tình hình nghiên cứu ở nước ngoài nói chung; 2) Các tài liệu nước ngoài nghiên cứu về Việt Nam; 3) Tình hình nghiên cứu trong nước. Cuối cùng là một danh mục các tài liệu tham khảo đã trích dẫn.

## Tình hình nghiên cứu ở nước ngoài

Vấn đề quan hệ giữa các dân tộc đa số và thiểu số trong một quốc gia hay khu vực đa tộc người, những nhân tố tiềm tàng của các cuộc xung đột sắc tộc và những ngụ ý nhằm giải quyết các mối quan hệ ấy là một trong những chủ đề đã từ lâu chiếm một vị trí đặc biệt quan trọng trong các công trình nghiên cứu của các nhà khoa học xã hội. Trong một bài tổng thuật các tài liệu nghiên cứu nước ngoài, Song Hồ đã chỉ ra rằng có đến “hàng trăm cuốn sách, hàng nghìn bài báo” nghiên cứu về

chủ đề này (Song Hồ, 2001: 46). Điều này thực ra không có gì lạ bởi vì trên thế giới “trừ một số rất ít quốc gia có cơ cấu dân cư thuần nhất, còn lại đại bộ phận là các quốc gia đa dân tộc” (Phan Hữu Dật, 2002: 17). Điều đáng ngạc nhiên là trong khi mối quan tâm về các vấn đề của dân tộc thiểu số trên thế giới và khu vực đang tăng lên nhanh chóng trong những năm gần đây thì lại có rất ít các công trình nghiên cứu nhằm đưa ra các giải pháp đào tạo cán bộ người dân tộc thiểu số nhằm cải thiện các quan hệ tộc người và thúc đẩy sự tiến bộ kinh tế xã hội ở các nước và khu vực khác nhau. Khuynh hướng chung của các công trình nghiên cứu về các vấn đề dân tộc thiểu số ở nước ngoài là tập trung vào mối quan hệ giữa tộc người và Nhà nước cũng như nguyên nhân tiềm tàng của các mâu thuẫn và xung đột sắc tộc và từ đó nêu lên những ngụ ý cho các hoạt động thực tiễn. Tuy nhiên, cũng có một vài nghiên cứu hiếm hoi khảo sát kinh nghiệm của các tổ chức phi chính phủ về các chương trình phát triển và sự hợp tác của các tổ chức phi chính phủ với chính phủ trong các chương trình phát triển ở các nước khác nhau.

Các nghiên cứu so sánh về hiện tượng xung đột sắc tộc trên thế giới nói chung cho rằng nhân tố quyết định tình trạng quan hệ tộc người là tính chất của nền *văn hoá chính trị* của các quốc gia đa sắc tộc (Song Hồ, 2001: 57). Chẳng hạn các nghiên cứu của M.H. Ross (1993), C. Nicholas & R. Singh (1996) đã chỉ ra ba nguyên nhân cơ bản của tình trạng mâu thuẫn hay xung đột sắc tộc ở các quốc gia, bao gồm: 1) Những mâu thuẫn do sự khác biệt trong địa vị và quyền lợi về kinh tế, chính trị và xã hội của các tộc người khác nhau hoặc các tổ chức lãnh đạo của các tộc người khác nhau; 2) Sự phân biệt đối xử trong hệ thống quản lý hành chính Nhà

nước trong đó người dân tộc thiểu số bị chèn ép; 3) Những mâu thuẫn nảy sinh từ vấn đề kỳ thị ngôn ngữ dân tộc và niềm tin tôn giáo.

Cũng đi theo khuynh hướng trên nhưng tiếp cận từ góc độ quan hệ Nhà nước - tộc người, một học giả Pháp đã khái quát các giải pháp khác nhau mà ông gọi là ba thái độ của Nhà nước đối với vấn đề tộc người: 1) Từ chối công nhận tộc người, từ chối sử dụng ngôn ngữ của họ, thực hiện chính sách đồng hoá cưỡng bức, chuyển cư và tiêu diệt sắc tộc; 2) Thái độ ban ơn, coi các tộc người thiểu số là các cộng đồng cần được giúp đỡ và trợ cấp của chính quyền Nhà nước, và đôi khi dành một vài chỗ trong cơ quan lập pháp cho người thiểu số và chấp nhận sự có mặt của họ; 3) Công nhận hoàn toàn quyền được khác nhau về văn hoá, công nhận chế độ đa nguyên về sắc tộc như là một thực tế lịch sử, bền vững và thường xuyên (R. Breton, 1981). Từ nhận định này, Breton cho rằng giữa tộc người và Nhà nước có một mối quan hệ biện chứng. Theo ông, Nhà nước nào trên thế giới nói chung cũng tìm cách can thiệp vào đời sống tộc người bằng cách này hay cách khác. Nhưng vấn đề là ở chỗ thông qua hệ thống chính sách của mình, Nhà nước có thể tạo ra đặc quyền cho một số tộc người và làm tổn hại đến các tộc người khác. Ngược lại, tộc người cũng đóng một vai trò như là vật chống đỡ cho Nhà nước, nó củng cố sự cố kết của Nhà nước hoặc làm suy yếu, thậm chí tan rã Nhà nước. Trên cơ sở phân tích hàng loạt các giải pháp liên quan đến mối quan hệ Nhà nước và tộc người, Breton cho rằng chỉ có theo đuổi tính đa tộc người về mặt thể chế, chủ trương thích nghi cơ cấu quốc gia với tính chất đa dạng về tộc người, tổ chức chung sống trên cơ sở đó mới là giải pháp thích hợp và tiên tiến.

Nói chung, những tài liệu nghiên cứu về mối quan hệ Nhà nước và tộc người ít quan tâm đến các kinh nghiệm và chính sách cụ thể của các quốc gia về vấn đề đào tạo cán bộ người dân tộc thiểu số trong một quốc gia đa sắc tộc. Tuy nhiên, những vấn đề có tính lý luận mà các nghiên cứu này nêu lên, trong một chừng mực nhất định, góp phần giúp chúng ta nhìn lại vấn đề chính sách và giải pháp cho vấn đề dân tộc ở Việt Nam. Kinh nghiệm của các nước trên thế giới cho thấy chưa có quốc gia đa tộc người nào đã từng giải quyết thành công vấn đề quan hệ dân tộc, kể cả ở các nước thuộc hệ thống xã hội chủ nghĩa trước đây như Liên Xô và Trung Quốc (R. Breton, 1981; Phan Hữu Dật, 2002). Cội nguồn của thực tế này có thể bắt nguồn từ việc các Nhà nước đa sắc tộc đã chưa thực sự chú trọng công tác đào tạo cán bộ người dân tộc thiểu số vì sự đoàn kết và phát triển của quốc gia - dân tộc. Gần đây, sự mở rộng hoạt động của các tổ chức phi chính phủ đã mở ra một hướng đi mới cho các quốc gia nhằm đưa các chương trình phát triển vào vùng dân tộc thiểu số thông qua hệ thống phi chính phủ. Các công trình nghiên cứu như *“Các tổ chức phi chính phủ và Nhà nước ở châu Á: Suy nghĩ lại về vai trò trong phát triển nông nghiệp bền vững”* của Viện Nghiên cứu phát triển hải ngoại Anh (J. Farington et al. (eds.), 1993), *“Các quan hệ chính phủ và phi chính phủ trong phát triển quốc tế”* của Tổ chức Hợp tác Kinh tế và Phát triển (I. Smillie, H. Helmich et al., eds., 1999) đã cho thấy các tổ chức phi chính phủ đang đóng một vai trò nhất định trong các chương trình phát triển của các quốc gia. Một mặt, các tổ chức này thông qua những dự án phát triển để mở mang kiến thức kinh tế - xã hội cho cư dân ở khu vực chậm phát triển để xoá đói giảm nghèo, mặt khác góp phần xã hội hoá, đa dạng hoá các

hoạt động trợ giúp phát triển vốn được xem là sứ mạng của Nhà nước.

### **Các tài liệu nước ngoài về vấn đề dân tộc ở Việt Nam**

Các tài liệu nghiên cứu nước ngoài về chủ đề phát triển ở vùng dân tộc thiểu số và mối quan hệ giữa Nhà nước và dân tộc thiểu số ở Việt Nam có thể được gộp thành 2 nhóm chính: a) Các công trình nghiên cứu khoa học của các học giả nước ngoài, và b) Các tài liệu nghiên cứu của các tổ chức quốc tế và phi chính phủ về tình hình phát triển ở miền núi và vùng các dân tộc thiểu số Việt Nam.

Cũng giống như khuynh hướng nghiên cứu phổ biến đã nói tới ở trên, các nhà nghiên cứu nước ngoài thường ít chú ý đến việc tìm kiếm các chiến lược, giải pháp phát triển ở vùng dân tộc và miền núi Việt Nam. Thay vào đó, họ có khuynh hướng tập trung vào việc phân tích thực trạng và các chính sách của Nhà nước Việt Nam đối với các dân tộc cũng như tác động của các chính sách ấy lên tình hình phát triển ở vùng dân tộc. Đại diện cho khuynh hướng nghiên cứu này có thể nói đến công trình của một số nhà khoa học như Gerald Hickey (Mỹ), Furuta Moto (Nhật Bản), Oscar Salemink (Hà Lan) và Patricia Pelly (Mỹ).

Gerald Hickey là một nhà nhân học Mỹ đã nhiều năm làm việc ở Việt Nam với tư cách là một chuyên gia bình định trong thời kỳ chiến tranh. Ông đã công bố nhiều nghiên cứu về các dân tộc Tây Nguyên và mối quan hệ giữa “Nhà nước của người Việt” đối với các dân tộc Tây Nguyên. Theo Hickey, chính sách đồng hoá dân tộc của Ngô Đình Diệm và việc không thừa nhận người Hoa, Khơ me và Chăm là các sắc tộc thiểu số trong khi gộp các nhóm dân tộc Trường Sơn - Tây Nguyên vào một

khái niệm chung là người Thượng đã tạo ra những phản ứng tiêu cực đối với chính quyền Nam Việt Nam. Phong trào Bajaraka đòi tự trị của người Thượng hình thành cuối những năm 1950 và sau đó, sự phát triển của tổ chức FULRO đầu những năm 1960 chính là hệ quả của chính sách dân tộc của chính quyền miền Nam. Theo Hickey, sự ra đời của Bộ Phát triển Sắc tộc của chế độ Nguyễn Văn Thiệu với các chương trình phát triển và chính sách đào tạo đội ngũ cán bộ quản lý người Thượng đầu những năm 70 đã phần nào tạo ra được những tác động tích cực nhất định, nhưng các chính sách đó đã không tồn tại được lâu. Hickey cho rằng chính sách dân tộc của Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh tỏ ra có sức lôi kéo hơn nhiều so với những gì mà chế độ của Diệm và Thiệu đã thực thi.

Trong khi Hickey biện hộ cho ước vọng tự trị của người Thượng ở Việt Nam chống lại “Nhà nước của người Việt”, một nhà nghiên cứu Nhật Bản là Furuta Moto đã sưu tầm các tài liệu từ nguồn thông tin lưu trữ và báo chí để viết một công trình khoa học làm luận án tiến sĩ của mình về đề tài *Chính sách dân tộc của Đảng Cộng sản Việt Nam*. Sau Furuta Moto, một nhà nhân học người Hà Lan là Oscar Salemink (1999) đã để ra nhiều năm nghiên cứu tài liệu tại các thư viện, kho lưu trữ ở Việt Nam, Pháp, Mỹ và đi thực địa ở Tây Nguyên để viết một công trình nghiên cứu so sánh về vai trò của dân tộc học Pháp, Mỹ, Việt Nam và ảnh hưởng của môn khoa học này lên quá trình phát triển ở vùng Tây Nguyên. Đặc biệt, Salemink đã để tâm nghiên cứu chính sách định canh định cư, vấn đề Vua Lửa, Vua Nước và nguyên tắc gìn giữ văn hoá dân tộc có lựa chọn của chính phủ Việt Nam. Từ sự phân tích của mình, Salemink nhận xét rằng gìn giữ văn hoá có lựa chọn chính là hòn

đá tảng trong toàn bộ chính sách dân tộc của Đảng Cộng sản Việt Nam. Tuy nhiên, các chương trình phát triển vùng Tây Nguyên của chính phủ không thu được kết quả như mong đợi, một mặt do hậu quả của quá trình di chuyển cư ồ ạt lên Tây Nguyên từ sau 1975 và quá trình xây dựng nông lâm trường ở khu vực này xảy ra quá nhanh chóng, gây ra hội chứng “sốc” đối với các nhóm dân tộc bản địa (Salemink, 1999 a&b). Cũng giống như Furuta và Salemink, Patricia Pelly (1998) cũng chọn đề tài chính sách dân tộc của Nhà nước Việt Nam để làm luận án tiến sĩ về khoa học chính trị. Luận điểm chính mà cô nêu ra trong nghiên cứu của mình là chính sách dân tộc của Nhà nước Việt Nam luôn đi theo một nguyên tắc nhất quán “Việt Nam là một nước thống nhất đa dân tộc”. Theo cô, Nhà nước Việt Nam chấp nhận một quốc gia đa dạng về tộc người và văn hoá nhưng không thừa nhận các thể chế của tộc người như khu tự trị và lãnh thổ tộc người, do đó đã biến các nhóm dân tộc thiểu số thành “những người em” trong đó người Kinh tự coi mình là anh cả có nghĩa vụ giúp đỡ “các dân tộc lạc hậu” ở miền núi (P. Pelly, 1998).

Gần đây, Trung tâm Đông - Tây (Đại học Hawaii, Mỹ) đã hợp tác với Đại học Quốc gia Hà Nội để nghiên cứu về *Những xu hướng phát triển ở vùng núi phía Bắc Việt Nam và các bài học từ châu Á*. Dự án nghiên cứu này đã tập hợp được nhiều nhà khoa học nước ngoài và trong nước cùng tham gia. Một số kiến nghị liên quan đến các chính sách và chương trình phát triển miền núi mà họ nêu ra rất đáng được lưu ý. Kết quả nghiên cứu của chương trình này đã được Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia công bố (D. Donovan, T. Rambo et al. eds., 1997). Nghiên cứu này, trên cơ sở phân tích các thách thức của phát triển ở

vùng núi Bắc Việt Nam, đã nhận xét rằng cùng với các trở ngại khác, tri thức sẽ là một trở ngại lớn nhất cho sự thành công của miền núi. Họ cho rằng miền núi Việt Nam là một địa bàn cực kỳ đa dạng cả về môi trường sinh thái tự nhiên lẫn môi trường nhân văn - tộc người, và mọi giải pháp phát triển ở vùng núi phải dựa trên đặc điểm cốt lõi này.

Trong khi các nhà nghiên cứu nước ngoài nhấn mạnh cách tiếp cận có tính phê phán thực trạng và chính sách phát triển miền núi của Nhà nước Việt Nam thì các tổ chức quốc tế khác như Ngân hàng Thế giới, Ngân hàng phát triển châu Á, Chương trình Phát triển Liên hợp quốc, SIDA Thụy Điển, và các tổ chức phi chính phủ nước ngoài khác lại quan tâm nhiều hơn đến những vấn đề thực tiễn và đề xuất giải pháp cụ thể cho phát triển miền núi. Các báo cáo “*Việt Nam tiến vào thế kỷ 21. Các trụ cột của sự phát triển*” (WB, ADB & UNDP: 2000) và “*Việt Nam tấn công đói nghèo*” (Hội nghị nhóm tư vấn các nhà tài trợ cho Việt Nam, 12/1999), mặc dù không trực tiếp đưa ra các giải pháp riêng cho miền núi và vùng dân tộc nhưng những phương hướng chiến lược toàn diện có tính quốc gia nêu ra trong các báo cáo này có thể được xem là một nguồn tài liệu tham khảo có giá trị khi nghiên cứu vấn đề đào tạo cán bộ dân tộc ít người cho sự nghiệp công nghiệp hoá và hiện đại hoá. Đặc biệt, các báo cáo này đều nhấn mạnh vấn đề nâng cao năng lực con người, tạo cơ hội, đảm bảo sự bình đẳng và giảm bớt nguy cơ bị tổn thương, coi đây như là những giải pháp căn bản để giảm nghèo và phát triển ở vùng núi.

Trong số hàng trăm báo cáo tư vấn cho Chương trình phát triển dân tộc thiểu số của Ngân hàng Thế giới, Ngân hàng phát triển châu Á và các cơ quan của chính

phủ, còn có một số nghiên cứu rất đáng lưu ý. Báo cáo “*Tổng quan về miền núi phía Bắc*” cho dự án xoá đói giảm nghèo của chính phủ và “*Suy nghĩ lại về cách tiếp cận phát triển dân tộc thiểu số*” của N. Jamieson đã nêu ra một số gợi ý: Ông cho rằng không thể có một giải pháp phát triển chung cho tất cả các dân tộc thiểu số vì các nhóm này có những đặc điểm lịch sử, cấu trúc xã hội và văn hoá tộc người không giống nhau, đặc biệt các nhóm dân tộc nhỏ có nhiều bất lợi hơn so với các nhóm dân tộc lớn hơn về dân số và có ảnh hưởng về văn hoá xã hội trong lịch sử (Jamieson, 2000a). Thêm vào đấy, những đặc điểm vùng miền cần phải được xem là cơ sở không thể bỏ qua khi xây dựng các dự án phát triển cho dân tộc thiểu số ở Việt Nam. Luận điểm này đã được nghiên cứu và phân tích sâu hơn trong một báo cáo khác cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ngân hàng Thế giới (WB) và Cục Phát triển Quốc tế của Vương quốc Anh (DFID) do Nguyễn Văn Chính và Dương Bích Hạnh thực hiện (5/2001). Jamieson (2000b) cũng đưa ra nhận xét về cách làm chính sách và kế hoạch theo một thói quen từ lâu ở Việt Nam là từ trên xuống. Quan sát của Jamieson chỉ ra rằng rất ít khi các chiến lược phát triển cho khu vực thiểu số miền núi lại được xây dựng trên cơ sở tham gia của người dân địa phương, và do đó, các chiến lược này ít phù hợp với thực tế. Thực ra, cách nhìn nhận này cũng đã được công ty Tư vấn phát triển của Úc ADUKI (1995) nhấn mạnh từ lâu. Theo họ, cách tiếp cận từ trên xuống sẽ tạo ra thói quen ỷ lại vào cấp trên và thái độ vô trách nhiệm. Khuyến nghị từ các nghiên cứu này là ở chỗ, các giải pháp phát triển vùng dân tộc và miền núi phải được dựa trên sự tham gia tích cực của người dân địa phương và tránh phương pháp tiếp cận theo lối đặt kế hoạch từ bên trên.

### Tình hình nghiên cứu trong nước

Có thể nói rằng trong khoảng một thập kỷ qua, các nhà khoa học, các cơ quan nghiên cứu và hoạch định chính sách trong nước đã tiến hành rất nhiều chương trình nghiên cứu và dự án liên quan đến vấn đề phát triển ở miền núi và vùng dân tộc. Hàng trăm công trình nghiên cứu có liên quan đến chủ đề này đã được công bố dưới dạng các bài báo, sách, kỷ yếu hội nghị, báo cáo khoa học. Trên đại thể, các tài liệu nghiên cứu thuộc lĩnh vực này có thể được chia thành 3 nhóm chính: a) Các nghiên cứu cơ bản về thực trạng kinh tế - xã hội vùng dân tộc; 2) Các nghiên cứu và phân tích chính sách dân tộc ở Việt Nam trong lịch sử và hiện tại; 3) Các nghiên cứu đề xuất giải pháp cụ thể về việc quy hoạch và bồi dưỡng đội ngũ cán bộ người dân tộc.

Nói chung, những nghiên cứu cơ bản về thực trạng kinh tế - xã hội các dân tộc của các nhà khoa học trong nước có khuynh hướng tiếp cận vấn đề theo từng khu vực hoặc theo nhóm dân tộc. Trọng tâm của các nghiên cứu này là nhằm phân tích tình hình các dân tộc trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội (Ban Nông nghiệp Trung ương, 1991; Viện Dân tộc học, 1996a, 1996b), những biến đổi của miền núi dưới tác động của đổi thay xã hội (Viện Dân tộc học (1995; 2000; Viện NC Kinh tế và Phát triển, 1999; Trung tâm KHXH&NV, 2002) và những vấn đề có tác động trực tiếp đến phát triển ở vùng các dân tộc như đất đai (Viện Dân tộc học, 2000), luật tục (Viện Văn hoá dân gian, 2000), di dân và tác động của di dân (Viện Dân tộc học, 1995), phát triển kinh tế trang trại ở miền núi (Viện Kinh tế học, 2001), v.v. Mặc dù các nghiên cứu nói trên chủ yếu nhằm mô tả tình hình nhưng cũng thường nêu ra các kiến nghị hoặc gợi

ý có liên quan đến lĩnh vực chính sách phát triển và đào tạo đội ngũ cán bộ. Các kiến nghị như vậy trong một chừng mực nhất định, có giá trị tham khảo nhưng nói chung, ít được dựa trên những luận cứ khoa học có chủ đích nhắm vào vấn đề phát triển đội ngũ cán bộ người dân tộc.

So với các tài liệu thuộc nhóm nghiên cứu cơ bản về thực trạng miền núi và dân tộc, các công trình về chính sách dân tộc tương đối khiêm tốn về số lượng. Phần lớn các tài liệu dạng này là kết quả nghiên cứu của các chương trình khoa học được Nhà nước đặt hàng trong những năm gần đây hoặc các hội thảo khoa học chuyên đề. Chẳng hạn, nghiên cứu về sắc thái văn hoá địa phương và tộc người trong chiến lược phát triển đất nước (1998, Đề tài KX. 06-05); Chính sách dân tộc của các chính quyền Nhà nước phong kiến Việt Nam X-XIX (2001, Đề tài KX. 04-05); Những vấn đề lý luận và thực tiễn cấp bách liên quan đến mối quan hệ dân tộc hiện nay (2001, Đề tài KX.04-05); Xoá đói giảm nghèo ở vùng dân tộc nước ta hiện nay - thực trạng và giải pháp (2002, Đề tài KX. 04-05); Vấn đề dân tộc và định hướng chính sách dân tộc trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá (2002, Hội thảo khoa học do Viện Nghiên cứu chính sách dân tộc và miền núi tổ chức). Nói chung, đây là những công trình nghiên cứu của tập thể các nhà khoa học. Ưu điểm chung của các đề tài này là bám sát đường lối chính sách của Đảng về vấn đề dân tộc, nhưng thường rời rạc, thiếu tính phê phán và khả năng ứng dụng không cao.

Thuộc về nhóm tài liệu thứ ba, dù ít về số lượng và phần nhiều còn ở dạng nghiên cứu chuyên đề nhưng lại có giá trị tham khảo quan trọng. Công trình nghiên cứu về “Vấn đề tạo nguồn lực tiến hành công nghiệp hoá, hiện đại hoá” (Vũ Hy Chương

chủ biên, 2002) trên cơ sở kết quả của đề tài khoa học KX. 02-03; và “Quy hoạch phát triển nguồn nhân lực, khoa học - công nghệ đáp ứng nhu cầu phát triển các lĩnh vực ưu tiên” (Kỷ yếu Hội thảo KH, đề tài cấp Nhà nước, Đặng Bá Lâm chủ trì, 1999), tuy không trực tiếp bàn về vấn đề xây dựng đội ngũ cán bộ người dân tộc nhưng đã đặt cơ sở lý luận ban đầu cho việc xem xét các chính sách tạo nguồn lực, khai thác và huy động nguồn lực cũng như một số giải pháp thu hút nguồn lực. Chuyên đề nghiên cứu về “Giáo dục và đào tạo với sự nghiệp công nghiệp hoá - hiện đại hoá ở miền núi phía Bắc Việt Nam” (Đại học Thái Nguyên, 1998) và “Quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ vùng dân tộc và miền núi đến năm 2010” (Ủy ban Dân tộc và Miền núi, 2000) là hai công trình hiếm hoi thảo luận trực tiếp về lĩnh vực đào tạo cán bộ người dân tộc. Các nghiên cứu này, trên cơ sở đường lối chính sách dân tộc của Đảng, đã bước đầu xây dựng những căn cứ khoa học của việc đào tạo cán bộ dân tộc thiểu số và đưa ra một số giải pháp cụ thể về công tác đào tạo và bồi dưỡng cán bộ người dân tộc và cán bộ làm công tác dân tộc nói chung.

Trên đại thể, trọng tâm của các giải pháp mà các công trình nghiên cứu nói trên đưa ra chủ yếu xoay quanh hai vấn đề then chốt là 1) Tạo nguồn nhân lực trong đó nhấn mạnh vai trò của giáo dục đối với dân tộc thiểu số; và 2) Công tác qui hoạch, đào tạo và bồi dưỡng cán bộ. Trong chiến lược đào tạo cán bộ, các nghiên cứu này có khuynh hướng thiên về đào tạo cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý kinh tế và thường nhấn mạnh chính sách ưu tiên dân tộc. Dù đã cố gắng, những nghiên cứu này nói chung còn bộc lộ những điểm yếu có thể làm bài học cho các nghiên cứu tiếp theo.

*Trước hết*, các nghiên cứu này thường có khuynh hướng cố gắng đưa ra một giải pháp chung duy nhất có thể áp dụng cho mọi nhóm dân tộc, ở mọi vùng địa lý - sinh thái khác nhau. Cách tiếp cận này thường bỏ qua tính đa dạng sinh thái tự nhiên và nhân văn vốn là đặc điểm nổi bật của miền núi Việt Nam, bỏ qua những khác biệt văn hoá, xã hội và hoàn cảnh riêng của từng nhóm dân tộc và vùng miền. Cần phải thấy rằng một mô hình chung duy nhất như vậy khó có thể đi vào thực tế của đời sống dân tộc vốn đa dạng và phức tạp.

*Thứ hai*, các nghiên cứu về chủ đề đào tạo bồi dưỡng cán bộ dân tộc thiểu số hiện nay thường nghiêng về quan điểm “ưu tiên dân tộc” để từ đó đề xuất các chính sách cụ thể. Cần phải lưu ý rằng trong khi những chính sách ưu tiên là cần thiết, nó không thể là một giải pháp có tác dụng lâu dài. Vấn đề ở đây là các giải pháp đào tạo cán bộ phải nhằm vào việc phát huy nội lực của mỗi dân tộc, mỗi vùng miền và kiến thức riêng của họ để từ đó tìm ra con đường đi lên thích hợp. Chính cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng đã sớm nhìn ra vấn đề này khi ông nhấn mạnh rằng “Mỗi một dân tộc phải sớm tạo ra được một đội ngũ cán bộ đồng bộ, trong đó có nhiều người giỏi, dần dần đủ sức giải quyết các vấn đề phát triển kinh tế-xã hội của dân tộc mình” (Phạm Văn Đồng, 1985). Có thể nói, cách tiếp cận dựa trên quan điểm “ưu tiên” đã không xuất phát từ chính nhu cầu của mỗi dân tộc mà ngược lại, có nguy cơ phản ánh một cách nhìn phiến diện đối với vấn đề phát triển, và ở một chừng mực nhất định, có thể tạo ra tâm lý trông chờ và ỷ lại vốn là trở ngại chính của đường lối phát huy nội lực trong phát triển. Đây chính là sự khác biệt căn bản nhất trong quan điểm Cộng sản về đào tạo cán bộ dân tộc thiểu số vì sự phát triển của chính dân tộc họ, khác với quan điểm của các chế độ

xã hội khác chủ yếu tìm cách đào tạo một đội ngũ công chức người dân tộc phục vụ quyền lợi của tầng lớp thống trị.

*Thứ ba*, các nghiên cứu về đào tạo và bồi dưỡng cán bộ dân tộc thiểu số chưa chú ý đúng mức đến vai trò của phụ nữ dân tộc và chưa đưa ra được các giải pháp khả thi về việc phát huy vai trò cán bộ nữ trong quá trình phát triển của dân tộc. Thêm vào đó, cần lưu ý rằng trong khi nhấn mạnh trọng tâm đào tạo cán bộ dân tộc thiểu số nhằm đáp ứng công cuộc công nghiệp hoá và hiện đại hoá miền núi, cần phải lưu ý rằng phần lớn cư dân miền núi hiện nay là người miền xuôi chuyển cư lên sinh sống ở đây và họ đang là một cư dân có ảnh hưởng nhiều mặt trong khu vực. Nên chăng, cũng cần suy nghĩ đến một cơ chế thích hợp trong đào tạo và sử dụng cán bộ người Kinh sinh sống ở miền núi trong quá trình phát triển? Mặt khác, các nghiên cứu về vấn đề đào tạo cán bộ thường thiên về việc đề xuất các giải pháp tập trung vào Nhà nước trong khi chưa chú ý đến vấn đề xã hội hoá công tác đào tạo cán bộ dân tộc, phát huy sức mạnh cộng đồng và các tổ chức phi chính phủ trong lĩnh vực này.

*Cuối cùng*, về mặt phương pháp mà nói, các nghiên cứu về phát triển ở vùng dân tộc nói chung thường dựa vào việc thu thập tài liệu từ các nguồn thứ cấp trong đó tiếng nói của người dân thường chưa được phân tích một cách khoa học và thấu đáo. Cần thiết phải phát triển một phương pháp phân tích thích hợp dựa trên việc thu thập tiếng nói của người dân và để cho ý chí và nguyện vọng của họ được thực sự tham gia vào các giải pháp và đề xuất chính sách của các nhà nghiên cứu.

### Kết luận

Như đã nói ở trên, không thể tiếp cận được tất cả các nghiên cứu đã công bố có

liên quan đến lĩnh vực của đề tài trong mục tổng quan này. Tuy nhiên, sự phân tích có hệ thống các tài liệu hiện có trong tay cho thấy nghiên cứu giải pháp đào tạo cán bộ dân tộc ít người là một dạng đề tài khoa học mới, xuất phát từ nhu cầu thực tiễn của nền “văn hoá chính trị” riêng của Việt Nam. Có rất ít các công trình nghiên cứu nhằm đề xuất giải pháp đào tạo cán bộ dân tộc thiểu số của các nước trong khu vực và trên thế giới mà chúng ta có thể học hỏi. Điều này có lẽ cũng phản ánh điểm khác biệt rất lớn trong chính sách dân tộc của Nhà nước Việt Nam và các Nhà nước khác như một nhà nghiên cứu nước ngoài đã nhận xét (N. Jamieson, 2000). Hầu hết các công trình nghiên cứu của nước ngoài thường thiên về hướng khái quát các lý luận liên quan đến mối quan hệ giữa Nhà nước và tộc người, phân tích có tính phê phán thực trạng và chính sách dân tộc của các Nhà nước. Tuy nhiên, ở một chừng mực nào đó, các tài liệu này có giá trị tham khảo giúp chúng ta có được cái nhìn sâu hơn vào thực tế Việt Nam.

Nguồn tài liệu nghiên cứu có liên quan đến đề tài khoa học do các cơ quan và cá nhân các nhà khoa học trong nước rất phong phú và đa dạng. Phân tích khuynh hướng nghiên cứu và cách tiếp cận của các tài liệu này đặc biệt có ích vì nó giúp chúng ta có được cái nhìn toàn diện hơn khi vạch ra chiến lược cho các nghiên cứu tiếp theo. Điều quan trọng là gần đây, một hệ thống các văn bản pháp luật, các chỉ thị, nghị quyết và chủ trương của Đảng và Nhà nước về dân tộc đã được Nhà xuất bản Văn hoá Dân tộc tập hợp và công bố (2000). Các tài liệu có tính hệ thống này chắc chắn sẽ góp phần làm cơ sở lý luận cho việc nghiên cứu giải pháp đào tạo cán bộ dân tộc ít người đáp ứng nhu cầu của sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

**Tài liệu đã trích dẫn**

- ADUKI Pty Ltd. 1995 *Povery in Vietnam* (Vấn đề nghèo đói ở Việt Nam). A Reportt for SIDA, Canberra, April 1995.
- Ban Nông nghiệp Trung ương. 1991. *Kinh tế-xã hội nông thôn Việt Nam ngày nay* (2 tập). Hà Nội: Nhà xuất bản Tư tưởng-Văn hoá.
- Breton, R. 1981. *Les Ethnies* (Tộc người). Paris: Presses Universitaires de France. (Bản dịch của Nguyễn Văn Dân, in trong Viện Thông tin KHXH, 2001 *Tộc người và Xung đột tộc người trên thế giới hiện nay*). Trang 161-326.
- Chương trình NCKH Nhà nước KX. 06. 1998. *Sắc thái văn hoá địa phương và tộc người trong chiến lược phát triển đất nước*. Hà Nội: Nhà xuất bản KHXH.
- Đại học Thái Nguyên. 1998. *Kỷ yếu Hội thảo khoa học Giáo dục và đào tạo với sự nghiệp công nghiệp hoá-hiện đại hoá ở miền núi phía Bắc Việt Nam*. Thái Nguyên.
- Farrington, John et al. 1993. *Non-governmental Organizations and the State in Asia. Rethinking Roles in Sustainable Agricultural Development* (Các tổ chức phi chính phủ và Nhà nước ở châu á. Suy nghĩ lại các vai trò trong phát triển nông nghiệp bền vững). London and New York: Routledge.
- Furuta Moto. 1989. *Chính sách dân tộc của Đảng cộng sản Việt Nam*. Luận án Tiến sĩ (Bản dịch của trung tâm Nghiên cứu Việt Nam và Giao lưu văn hoá).
- Hà Quế Lâm. 200. *Xoá đói giảm nghèo ở vùng dân tộc thiểu số nước ta hiện nay - thực trạng và giải pháp*. Hà Nội: Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia.
- Hickey, Gerald Cannon. 1982. *Sons of the Mountains. Ethnohistory of the Vietnamese Central Highlands to 1954* (Những đứa con của núi rừng. Lịch sử tộc người ở Tây Nguyên Việt Nam cho đến năm 1954). New Haven and London: Yale University Press.
- 1982, *Free in the Forest. Ethnohistory of the Vietnamese Central Highlands 1954-1976* (Tự do trong rừng. Lịch sử tộc người ở Tây Nguyên Việt Nam 1954-1976). New Haven and London: Yale University Press.
- 1993 *Shatted World. Adaptation and Survival among Vietnam's Highland Peoples during the Vietnam War* (Một thế giới bị chia cắt. Thích ứng và sinh tồn của các tộc người cao nguyên trong thời kỳ chiến tranh Việt Nam). Philadenphia: University of Pennsylvania.
- Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh. 1995. *Vấn đề dân tộc và chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước ta*. Hà Nội: Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia.
- Hoàng Lương. 2000. *Chính sách dân tộc ở Vương quốc Thái Lan*. Tạp chí Dân tộc và Miền núi, số 3/2000.
- Hội nghị các nhà tài trợ cho Việt Nam. 1999. *Việt Nam tấn công đói nghèo* (Báo cáo chung). Hà Nội.
- Jamieson, Neil. 2000 (a). *Socio-economic Overview of the Northern Mountain Region and the Project Area. Project on Hunger Elimination and Poverty Reduction in the Northern Mountain Region of Vietnam* (Tổng quan về tình hình kinh tế – xã hội khu vực miền núi phía Bắc. Dự án Xoá đói giảm nghèo ở khu vực miền núi phía Bắc Việt Nam). Hanoi: World Bank.
- 2000 (b), *Rethinking Approaches to Ethnic Minority Development, The Case of Vietnam*. (Nghĩ lại cách tiếp cận chương trình phát triển dân tộc thiểu số,

- Trường hợp Việt Nam). Concept Paper prepared for the World Bank, Unpublished.
- Lê Quang Thiêm (chủ biên). 1997. *Dân tộc Bru-Vân Kiều, thực trạng và giải pháp phát triển bền vững*. Hà Nội: Nhà xuất bản Nông nghiệp.
- Lê Thạc Cán. 1992. *Đào tạo đại học, trung học chuyên nghiệp và dạy nghề cho đồng bào các dân tộc*. Báo cáo Đề án VII/08. Hà nội.
- Nicholas, Colin & Raajen Singh. 1996. *Indigenous Peoples of Asia. Many Peoples, One Struggle* (Các tộc người bản địa ở châu Á. Nhiều sắc tộc, một cuộc đấu tranh). Bangkok: Asia Indigenous Peoples Pact.
- Ngân hàng Thế giới (WB), Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) và Chương trình Phát triển Liên hợp quốc (UNDP). 2000. *Việt Nam tiến vào thế kỷ 21. Các trụ cột của sự phát triển*. Hà Nội.
- Nguyễn Văn Chính, Dương Bích Hạnh. *Characteristics of Poverty among the Small Ethnic Groups in the Northern Mountainous Region*. (Đặc điểm đói nghèo của các nhóm dân tộc nhỏ ở miền núi phía Bắc). Hanoi: World Bank and Department for International Development, United Kingdom (Unpublished Report).
- Pelly, Patricia. 1998. "Barbarian" and "Younger Brothers". *The Remaking of Race in Postcolonial Vietnam* ("Các dân tộc lạc hậu" và "Những người em". Sự tái hình thành chủng tộc ở nước Việt Nam thời hậu thực dân). In: *Journal of Southeast Asian Studies* 29, 2 (September 1998): 374-391.
- Phan Hữu Dật. 2002. *Mấy suy nghĩ về vấn đề dân tộc ở nước ta và trên thế giới hiện nay*. Trong Viện nghiên cứu chính sách dân tộc và miền núi, *Vấn đề dân tộc và định hướng xây dựng chính sách dân tộc trong công nghiệp hoá, hiện đại hoá*. Hà Nội: Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia. Tr. 17-40.
- Phan Hữu Dật (chủ biên). 2001. *Mấy vấn đề lý luận và thực tiễn cấp bách liên quan đến mối quan hệ dân tộc hiện nay*. Hà Nội: Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia.
- Phan Hữu Dật - Lâm Bá Nam. 2001. *Chính sách dân tộc của các chính quyền Nhà nước phong kiến Việt Nam*. Hà Nội: Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia.
- Ross, Marcs Howards. 1993. *The Culture of Conflict. Interpretations and Interests in Comparative Perspective* (Văn hoá của sự xung đột. Giải thích và các mối quan tâm trong một viễn cảnh so sánh). New Haven and London: Yale University.
- Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam. 2000. *Chính sách và pháp luật của Đảng, Nhà nước về dân tộc*. Hà Nội: Nhà xuất bản Văn hoá dân tộc.
- Salemink, Oscar. 1999 (a). *Beyond Complicity and Naiveté: Contextualizing the Ethnography of Vietnam's Central Highlanders 1850-1990* (Trên cả thối a tông và sự ngây thơ: Bối cảnh hoá dân tộc học về người Thượng Việt Nam). Ph.D thesis. The Netherlands: Amsterdam University.
- 1999 (b) *Sedentarization and Selective Preservation among the Mongtagnards in the Vietnamese Central Highlands*. In: Jean Michaud (ed.) , *Turbulent Times and Enduring Peoples: Mountain Minorities in the Southeast Asian Massif*. London: Curzon Press, pp. 124-148.
- Simillie, Ian et al. (eds.). 1999. *Stakeholders. Government – NGO*

- Partnerships for International Development.* (Quan hệ chính phủ và phi chính phủ trong phát triển quốc tế). London: Earthscan.
- Trung tâm KHXH&NV Quốc gia. 1996. *Những đặc điểm kinh tế – xã hội các dân tộc miền núi phía Bắc.* Hà Nội: Nhà xuất bản KHXH.
- 2002. *Một số vấn đề phát triển kinh tế – xã hội buôn làng các dân tộc Tây nguyên.* Hà Nội: Nhà xuất bản KHXH.
- Ủy ban Dân tộc và Miền núi. 1997. *50 năm công tác dân tộc (1946-1996).* Hà Nội: Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia.
- 2000. *Báo cáo tổng thuật chuyên đề nghiên cứu “Quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ vùng dân tộc và miền núi đến năm 2010”.* Đề tài nghiên cứu do Nguyễn Hữu Nga chủ trì.
- Ủy ban KHXH Việt Nam. 1986. *Một số vấn đề phát triển kinh tế-xã hội Tây Nguyên.* Hà Nội: Nhà xuất bản KHXH.
- 1989. *Tây nguyên trên đường phát triển.* Hà Nội: Nhà xuất bản KHXH.
- Ủy ban KHXH Việt Nam – UBND tỉnh Đắk Lắk. *Vấn đề phát triển kinh tế – xã hội các dân tộc thiểu số ở Đắk Lắk.* Hà Nội: Nhà xuất bản KHXH.
- Viện Dân tộc học (Bế Viết Đăng chủ biên). 1995. *50 năm các dân tộc thiểu số Việt Nam (1945-1995).* Hà Nội: Nhà xuất bản KHXH.
- Viện Dân tộc học (Bế Viết Đăng chủ biên). 1996. *Các dân tộc thiểu số trong sự phát triển kinh tế – xã hội ở miền núi.* Hà Nội: Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia & Nhà xuất bản Văn hoá Dân tộc.
- Viện Dân tộc học (Khổng Diễn). 1995. *Dân số và dân số tộc người ở Việt Nam.* Hà Nội: Nhà xuất bản KHXH.
- Viện Dân tộc học (Vũ Đình Lợi, Bùi Minh Đạo, Vũ Thị Hồng). 2000. *Sở hữu và sử dụng đất đai ở các tỉnh Tây Nguyên.* Hà Nội: Nhà xuất bản KHXH.
- Viện Dân tộc học (Nguyễn Thế Huệ). 2000. *Dân số các dân tộc miền núi và trung du Bắc bộ từ sau đổi mới.* Hà Nội: Nhà Xuất bản Văn hoá Dân tộc.
- Viện Nghiên cứu Chính sách Dân tộc và Miền núi. 2002. *Vấn đề dân tộc và định hướng xây dựng chính sách dân tộc trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá.* Hà Nội: Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia.
- Viện Nghiên cứu Kinh tế (Nguyễn Đức Thịnh chủ biên). 2001. *Kinh tế trang trại các tỉnh trung du, miền núi phía Bắc.* Hà Nội: Nhà Xuất bản KHXH.
- Viện Nghiên cứu Kinh tế và Phát triển. 1999. *Kinh tế thị trường và sự phân hoá giàu nghèo ở vùng dân tộc và miền núi phía Bắc nước ta hiện nay.* Hà Nội: Nhà Xuất bản Chính trị Quốc gia.
- Viện Nghiên cứu Văn hoá dân gian. 2000. *Luật tục và phát triển nông thôn hiện nay ở Việt Nam.* Hà Nội: Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia.
- Viện Thông tin Khoa học Xã hội. 2001. *Tộc người và xung đột tộc người trên thế giới hiện nay* (In lần 2 có sửa chữa) Hà Nội: TTKHXH. Vũ Hy Chương (chủ biên). 2002. *Vấn đề tạo nguồn lực tiến hành công nghiệp hoá, hiện đại hoá.* Hà Nội: Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia.
- Y nông Niêk Đăm. 1994. *Vài suy nghĩ về đội ngũ cán bộ dân tộc.* Báo Nhân Dân ngày 13/6/1994.